TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày 04-7-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm H Hân

Bà Nguyễn Hồng Nhiếp.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2023/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Tiêu Văn H, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã HT, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

- *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp NL, xã TG, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 20/4/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Tiêu Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh H và chị Huỳnh Thị T kết hôn vào năm 2002, có tổ chức lễ kết hôn theo phong tục tập quán và đến nay chưa đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên năm 2012 bà T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở ấp NL, xã TG, huyện NC sinh sống cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh chị cũng không hòa giải để hàn gắn, đoàn tụ được. Nay anh xác định mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và khởi kiện xin ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Tiêu Kim M sinh năm 2002 và Tiêu Chí T sinh năm 2004 do anh nuôi dưỡng từ khi chị T bỏ nhà đi cho đến

nay, hiện 02 đã trưởng thành có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Huỳnh Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh H vắng mặt có văn bản xin vắng mặt; chị T đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải và phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Anh H và chị T tự nguyện kết hôn năm 2002, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đến nay chưa đi đăng ký kết hôn; anh chị chung sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong cuộc sống và chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị T đã biết anh H kiện xin ly hôn nhưng không có ý kiến hay phản bác nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ chị T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của anh H đặt ra. Như vậy, trong thời gian dài giữa anh H và chị T không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẽ, giúp đỡ nhau công việc trong gia đình và không chung sống với nhau, cả hai đều không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Từ căn cứ trên, xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa anh H và chị T là trầm trọng, đời sống chung không thể kèo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H là có cơ sở. Tuy nhiên, giữa anh H và chị T tổ chức đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 cho đến nay không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là vi phạm quy định về việc đăng ký kết hôn. Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..."*, đối chiếu điều luật viện dẫn, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu ly hôn của anh H, mà cần tuyên bố quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T không được pháp luật công nhận vợ chồng là có căn cứ.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên Tiêu Kim M sinh năm 2002 và Tiêu Chí T sinh năm 2004. Hai con đã trên 18 tuổi, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung và nợ chung anh H và chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa anh Tiêu Văn H và chị Huỳnh Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản và công nợ: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình anh H phải chịu 300.000 đồng, anh đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0016086 ngày 20/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn nay được chuyển thu, anh H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên